

Số: 1336 /BC-VNBC

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2015

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**  
**NĂM 2014**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin.
- Tên giao dịch quốc tế : Vinacomin - NuiBeo Coal Joint Stock Company.
- Tên viết tắt : VNBC
- Mã chứng khoán : NBC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5700101700 cấp lần thứ 9 ngày 18/9/2013 tại Phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.
- Địa chỉ : 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh.
- Điện thoại : (84.33) 3825 220
- Fax : (84.33) 3625 270
- Website : www.nuibeo.com.vn
- Email : giaodich@nuibeo.com.vn
- Vốn điều lệ : 279.986.260.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bảy chín tỷ, chín trăm tám sáu triệu, hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

**2. Quá trình hình thành và phát triển**

**a) Việc thành lập:**

- Mỏ than Núi Béo (nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin) được thành lập ngày 7/11/1988 trên cơ sở thoả thuận giữa hai chính phủ: Việt Nam và Liên bang Xô Viết, do Viện Ghiprôsat thiết kế năm 1983. Khu vực khai thác chính của Công ty nằm trên địa bàn hai phường Hà Tu và Hà Trung; Phía Đông và Bắc tiếp giáp Mỏ than Hà Tu; Phía Tây tiếp giáp Mỏ than Hà Lâm; Phía Nam giáp đường Quốc lộ 18A. Theo thiết kế gốc của Viện Ghiprôsat - Liên Xô, tổng trữ lượng than trong biên giới khai thác mỏ là:  $\approx 32$  triệu tấn, đất bóc tổng số là: 145,7 triệu m<sup>3</sup> và hệ số bóc trung bình cả đời mỏ là: 4,55 m<sup>3</sup>/tấn. Trong giai đoạn phát triển ổn định mỏ sẽ khai thác với công suất tối đa là 1,2 triệu tấn/năm. Trong đó khu vực Via 11: 900.000 tấn/năm; Khu vực Via 14: 300.000 tấn/năm.

- Chỉ hơn 7 tháng chuẩn bị, ngày 19/5/1989, nhân kỷ niệm 99 năm ngày sinh của Bác Hồ, tại Via 14 đã xúc gầu đất đầu tiên.

\* *Giai đoạn từ năm 1988 đến năm 1995:*

- Ra đời trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, cũng là giai đoạn Liên Xô tan rã và cắt mọi viện

*Đức 1*

trợ, vì vậy, sau 2 năm bóc đất xây dựng cơ bản, Mỏ than Núi Béo bắt đầu quá trình xây dựng và phát triển với số vốn ít ỏi gần 20 tỷ đồng, thiết bị chính chi vền vền có 02 máy xúc EKG, 02 máy khoan xoay cầu, 02 xe gạt T170 và một số thiết bị nhỏ lẻ...

- Bắt tay vào khai thác được hơn một năm, cán bộ công nhân viên Mỏ Núi Béo lại phải đối mặt với một khó khăn, trở ngại tưởng như không thể vượt qua, đó là tình hình chất lượng tài nguyên khai thác. Tuy đã bóc đến khu vực gập vỉa than, nhưng chất lượng than xấu đến mức không thể lọc ra được cám 6 và đã bắt buộc phải dừng khai thác ở Vía 14 để quay sang mở vỉa, tập trung khai thác ở khu vực Vía 11.

- Chính vì những khó khăn trên, cùng với những khó khăn về thị trường tiêu thụ và công tác đầu tư nên giai đoạn 1989- 1995 mỏ hầu như không phát triển được. Đến hết năm 1995 mới chỉ đạt sản lượng khai thác: 175.000 tấn/năm, doanh thu: 32,6 tỷ đồng, nợ ngân hàng  $\approx$  30 tỷ đồng, thu nhập công nhân thấp. Trong tình trạng bế tắc đã có lúc tưởng chừng phải nhập vào một mỏ khác.

*\*Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2006:* Tháng 6 năm 1996 (gần 02 năm sau khi Tổng công ty Than Việt Nam ra đời), Mỏ than Núi Béo được tách khỏi Công ty Than Hòn Gai và trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Than Việt Nam theo Nghị định 27/NĐ-CP ngày 06/5/1996 của Chính phủ; Quyết định số 2603/QĐ-TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp; Quyết định số 886-TVN/HĐQT ngày 27/5/1996 của HĐQT TVN; Giấy phép đăng ký kinh doanh số 110950 do Ủy ban Kế hoạch Quảng Ninh cấp ngày 15/10/1996. Đây là bước ngoặt quan trọng khẳng định sự phát triển đi lên của Mỏ (thời điểm này, Mỏ than Núi Béo đến nay là Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomín thực sự có những bước tiến phát triển vượt bậc và có cơ hội tự khẳng định mình qua sự đổi mới cách nghĩ, cách làm. Qua từng năm, Công ty đều hoàn thành toàn diện kế hoạch, các chỉ tiêu đạt được năm sau cao hơn năm trước; cơ sở vật chất kỹ thuật, quy mô sản xuất ngày càng được mở rộng).

b) Chuyển đổi sở hữu thành Công ty Cổ phần: Thực hiện Quyết định số: 3936/QĐ-BCN ngày 30/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc: Phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty Than Núi Béo thành Công ty Cổ phần Than Núi Béo, Công ty Than Núi Béo đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/4/2006. Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty có vốn điều lệ là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỉ đồng); Trong đó phần vốn Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) nắm giữ 51% vốn điều lệ; cổ đông trong Công ty nắm giữ 29% và phần còn lại 20% do các cổ đông ngoài Công ty nắm giữ.

c) Niêm yết: Công ty niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 27 tháng 12 năm 2006 với tên mã là: "NBC".

d) Tăng vốn điều lệ: Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, từ năm 2011 đến nay Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 250 tỷ đồng bằng việc phát hành cổ phiếu thưởng và tăng vốn từ 250 tỷ đồng lên 280 tỷ đồng (Số làm tròn) bằng việc phát hành chứng khoán, bán cho các cổ đông hiện hữu.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### a) Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác và thu gom than non (0520).
- Xây dựng công trình công ích (4220).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (4290).
- Sản xuất các cấu kiện kim loại (2511).
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (4530).
- Khai thác và thu gom than cứng (0510).
- Gia công cơ khí; xử lý tráng phủ kim loại (2592).
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác (0990).
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933).
- Sửa chữa máy móc thiết bị (3312).
- Khai thác quặng sắt (mã 0710).
- Khai thác và thu gom than bùn (0892).
- Xây dựng nhà các loại (4100).
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (4210)
- Hoàn thiện công trình xây dựng (4330).
- Vận tải hàng hóa đường sắt (4912).
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (5022).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (5221).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229).
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại (2591).
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng (2593).
- Sản xuất khai thác mỏ và xây dựng (2824).
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (3311).
- Sửa chữa thiết bị điện (3314).
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (3313).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (3315).
- Sửa chữa thiết bị khác (3319).
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (4520).
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (4542).
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (4652).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222).
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (1104).
- Phá dỡ (4311).
- Chuẩn bị mặt bằng (4312).
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510).
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (5610).
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí (7721).
- Điều hành tua du lịch (7912).
- Giáo dục thể thao và giải trí (8551).

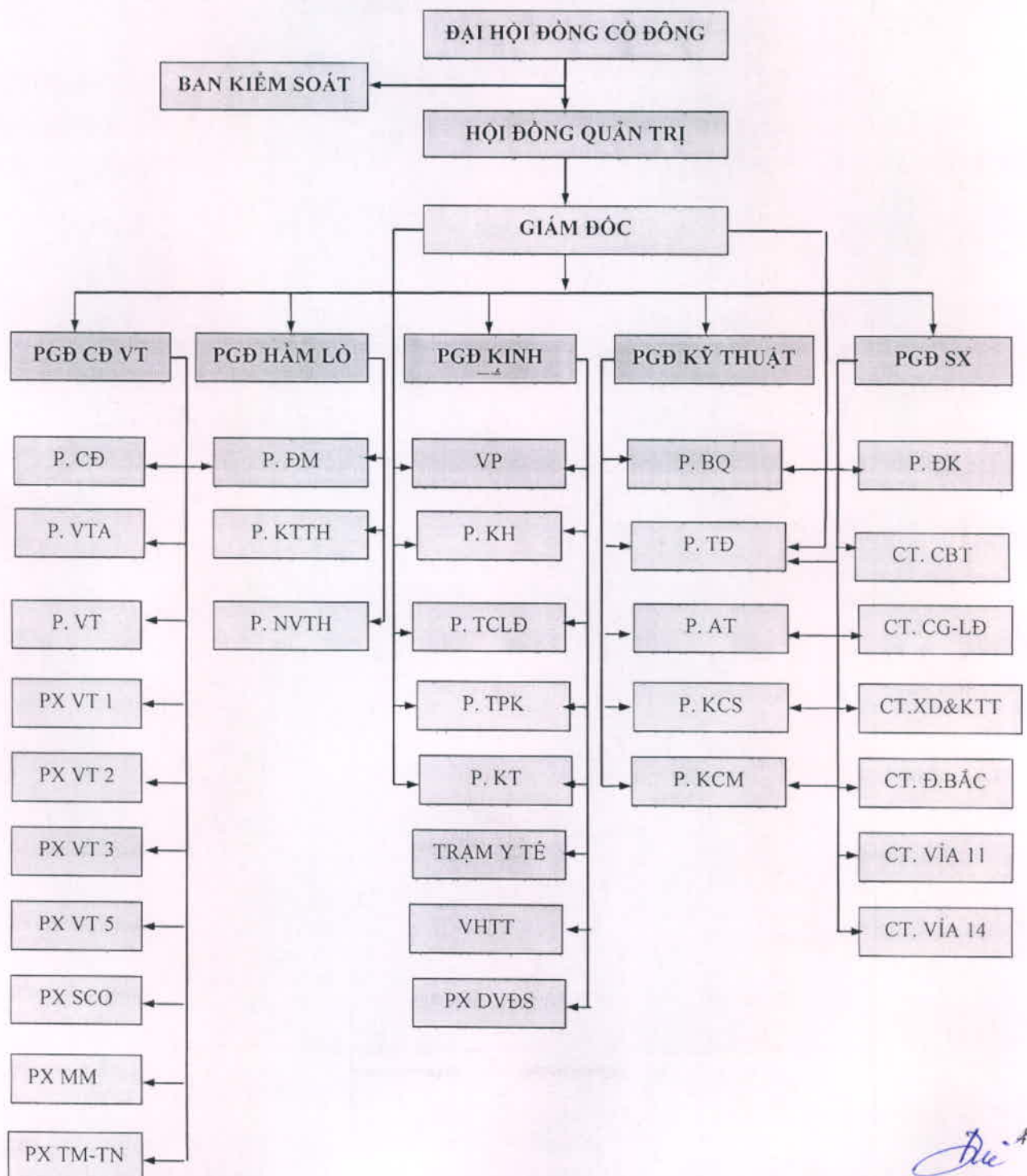
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật (8552).
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (9311).
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (9329).

b) Địa bàn hoạt động chính: Công ty khai thác, chế biến, tiêu thụ than trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

#### 4. Thông tin về bộ máy quản lý

- Hội đồng Quản trị : 5 thành viên;
- Ban kiểm soát : 3 thành viên; hiện tại đang khuyết 01 thành viên
- Ban lãnh đạo Công ty có : 01 Giám đốc điều hành, 06 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và 17 phòng ban, 15 Công trường, phân xưởng đơn vị sản xuất

#### SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



*Đu+*

## **5. Mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty.**

### **5.1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:**

Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

**5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:** Năm 2015, Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty ở từng thời điểm, cụ thể:

- Tiếp tục duy trì sản xuất theo định hướng của Tập đoàn, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, kế hoạch điều hành SXKD 5 năm từ 2015-2019 của Công ty điều hành theo nguyên tắc sử dụng tối đa nguồn lực về tài nguyên, tiền vốn, thiết bị, lao động, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm hoàn thành kế hoạch phối hợp kinh doanh, đảm bảo hài hoà lợi ích của Tập đoàn và của Công ty.

- Mục tiêu xuyên suốt quá trình điều hành kế hoạch kinh doanh 5 năm của Công ty là phải đảm bảo tuyệt đối an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh doanh, ổn định thu nhập và đời sống người lao động; tăng cường áp dụng công nghệ mới, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng mỏ hầm lò; tiếp tục đổi mới từ nhận thức đến việc làm, lấy hiệu quả và tuân thủ pháp luật làm thước đo cho mọi hành động vì sự nghiệp phát triển bền vững. Mục tiêu của Công ty được đúc kết thành khẩu hiệu “An toàn - Năng suất - Hiệu quả - Tuân thủ Pháp luật”.

- Trong chiến lược phát triển của Công ty từ năm 2013 đến năm 2020 thì giai đoạn 2015 - 2017 là khó khăn nhất, Công ty khai thác than với sản lượng thấp ảnh hưởng đến việc làm, đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

### **5.3. Một số chỉ tiêu chính 2015-2019**

a) Khai thác than lộ thiên

- Bốc xúc đất đá tổng số trên m triệu m<sup>3</sup>, trong đó đất đá CBSX lộ thiên: 11,0 triệu m<sup>3</sup>; Xúc đất lại bãi thải, luân chuyển đất đá lẫn than 13 triệu m<sup>3</sup>.

- Than nguyên khai khai thác trên: 3 triệu tấn, theo đó sẽ kết thúc khai thác lộ thiên vào năm 2019;

- Than sạch sản xuất từ đất đá lẫn than: 900 nghìn tấn.

b) Khai thác than hầm lò

- Đào lò: 14.530 m. Trong đó: đào lò XD CB 6.054 m; đào lò CBSX 8.476 m.

- Than nguyên khai khai thác: 1,34 triệu tấn. Theo đó dự án bắt đầu ra than vào năm 2019 với sản lượng 235 nghìn tấn.

- Hệ số đào lò CBSX bình quân: 6,3 m/1000 tấn.

c) Than giao cho Tập đoàn: 3,78 triệu tấn than sạch.

d) Làm thuê cho Công ty CP than Hà Tu: Cân đối bố trí khoan bóc xúc, vận chuyển, san gạt đất đá cho Công ty than Hà Tu đối với những thiết bị lộ thiên dư thừa từng năm.

*Đức 5*

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm do Đại hội giao*

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh %
1	Bóc đất đá lộ thiên	1.000 M <sup>3</sup>	14.160	14.352	101,4
2	Than Nk sản xuất	1.000 Tấn	1.600	1.752	109,5
3	Đào lò XDCB	m	525	535	101,9
4	Than sạch sàng tại mỏ	1.000 Tấn	830	1.146	138,1
-	Than sạch từ than NK	"	530	649,1	122,5
-	Than sạch từ SPNT	"	300	496,9	165,6
5	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.845	2.098	113,7
6	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.542	1.855	120,3
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	45,3	143	315,7
8	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.tháng	6.443	8.246	128,0
9	Cổ tức	%	8	8	100

\* Đánh giá kết quả SXKD, HĐQT nhận định: Năm 2014, là năm bắt đầu Công ty giảm sản lượng khai thác than lộ thiên, triển khai dự án khai thác than hầm lò, do đó cùng với những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành than, Công ty còn gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ, thời tiết mưa bão kéo dài, thiết bị xe máy qua nhiều năm sử dụng đã quá cũ, chưa được đầu tư mới để thay thế... song với sự năng động, sáng tạo và có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo điều hành SXKD, với truyền thống kỷ luật và đồng tâm, đoàn kết vượt khó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, sự phối hợp công tác có hiệu quả của các bạn hàng, Công ty đã nỗ lực phấn đấu, từng bước vượt qua khó khăn, thử thách hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ SXKD năm 2014 Tập đoàn và Đại hội đồng cổ đông giao, đời sống việc làm của CBCN lao động ổn định, bảo tồn và phát triển nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

### 2. Tổ chức và nhân sự:

#### 2.1. Danh sách Ban điều hành

##### a) Giám đốc điều hành

- Họ tên : **VŨ ANH TUẤN**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18 tháng 3 năm 1968

*Đức* 6

- Nơi sinh : Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 100873656 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/8/2002
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
10/1989 - 01/1993	Cán bộ Phòng Kỹ thuật	Mỏ Than Núi Béo
02/1993 - 10/1996	Phó quản đốc CT Via 14, Công trường Than 1	Mỏ Than Núi Béo
11/1996 - 07/1998	Quản đốc công trường Than 1	Mỏ Than Núi Béo
08/1998 - 07/1999	Quản đốc Phân xưởng Cảng	Mỏ Than Núi Béo
07/1999 - 09/2001	Trưởng phòng Điều khiển sản xuất	Mỏ Than Núi Béo
10/2001 - 12/2002	Quản đốc công trường via 11	Công ty Than Núi Béo
01/2003 - 11/2003	Trưởng phòng kỹ thuật	Công ty Than Núi Béo
12/2003 - 09/2009	Phó giám đốc Công ty	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV
10/2009 - 3/2010	UV HĐQT – Giám đốc điều hành	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV
4/2010 – 8/2015	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty	Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin
8/2015 đến nay	UV HĐQT – Giám đốc điều hành	Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: UV HĐQT - Giám đốc điều hành Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó bí thư Đảng ủy Công ty
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 3.437 CP

**b) Phó Giám đốc phụ trách kinh tế:**

- Họ tên : **DƯƠNG THỊ THU PHONG**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 02 tháng 9 năm 1972
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Số 108, tổ 6 khu 4 phường Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Chứng minh nhân dân : 100583292 do CA Quảng Ninh cấp ngày 13/02/2006
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế, kỹ sư điện khí hóa.
- Quá trình công tác :

*Đào*

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
10/1994 - 09/1999	Cán bộ phòng máy tính, Trung tâm máy tính Tin học Hạ Long, Quảng Ninh; Cán bộ phòng máy tính, phòng Tổ chức – Đào tạo Công ty Than Hòn Gai.
10/1999 - 11/2003	Cán bộ Phòng Tổ chức Lao động, Phòng KTTK, Phòng Khoán chi phí Công ty Than Núi Béo.
12/2003 - 12/2004	Phó phòng, Phụ trách Phòng Khoán & Quản lý chi phí, Công ty than Núi Béo.
01/2005 – 10/2014	Trưởng phòng Phòng Khoán & Quản lý chi phí, Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.
11/2014 đến nay	Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 0 CP

c) Phó Giám đốc phụ trách sản xuất:

- Họ tên : **MAI QUẢNG THÁI**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10 tháng 9 năm 1977
- Nơi sinh : Thành phố Hạ Long - tỉnh Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hà, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 100621970 do CA Quảng Ninh cấp ngày 24/01/2013
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
07/2001 - 07/2002	Nhân viên kỹ thuật CT Via 11	Công ty Than Núi Béo
08/2002 - 12/2004	Nhân viên phòng kỹ thuật	Công ty Than Núi Béo
01/2005 - 10/2006	Phó phòng kỹ thuật mỏ	Công ty Than Núi Béo
11/2006 - 06/2007	Phó giám đốc	Công ty Cổ phần Crômit Cổ Định-Thanh Hoá
07/2007 - 11/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật mỏ	Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV
12/2009 - 4/2011	Phó giám đốc	Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV
4/2011- 8/2015	Ủy viên Hội đồng Quản trị, Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin

*Đức*



Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
8/2014 đến nay	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 915 CP

d) Phó Giám đốc:

- Họ tên : **LÊ NGỌC TUẤN**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 23 tháng 06 năm 1965
- Nơi sinh : Huyện Nông Cống – Tỉnh Thanh Hoá
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 100462440 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/03/1990
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
06/1987 - 12/1988	Cán bộ kỹ thuật	Ban thiết kế 3
01/1989 - 03/1993	Cán bộ phòng vật tư	Mỏ Than Núi Béo
04/1993 – 04/1997	Phó phòng kế hoạch	Mỏ Than Núi Béo
05/1997- 11/1999	Phó phòng vật tư	Mỏ Than Núi Béo
12/1999 - 11/2004	Trưởng phòng vật tư	Công ty Than Núi Béo
12/2004 - 4/2008	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Than Núi Béo-TKV
4/2008 đến nay	Ủy viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty	Công ty Cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 7.045 CP

đ) Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật:

- Họ tên : **NGUYỄN TUẤN DŨNG**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06 tháng 12 năm 1968
- Nơi sinh : Huyện Kinh Môn - Tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

*Đức* 9

- Chứng minh nhân dân : 100769453 do CA Quảng Ninh cấp ngày 10/04/2000
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
03/1989 - 03/1991	Công nhân	Mỏ Than Núi Béo
03/1991 - 04/1993	Bộ đội E43	Tinh đội Quảng Ninh
04/1993 - 07/1995	Công nhân	Mỏ Than Núi Béo
08/1995 - 11/1996	Phó phòng điều khiển	Mỏ Than Núi Béo
11/1996 - 03/1999	Phó quản đốc - CT Than 1	Mỏ Than Núi Béo
04/1999 - 03/2006	Quản đốc Công trường Than 1	Công ty Than Núi Béo
04/2006 - 09/2006	Trưởng phòng ĐHSX	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV
10/2007 đến nay	Phó Giám đốc Công ty	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Phó giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 3.437 CP

e) Phó Giám đốc phụ trách hầm lò:

- Họ tên : **TRẦN QUỐC TUẤN**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22 tháng 08 năm 1968
- Nơi sinh : Thị xã Uông Bí - Tỉnh Quảng Ninh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Yết kiêu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 011360636 do công an Hà Nội cấp ngày 12/04/1985
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ khai thác mỏ
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
09/1989 - 12/1991	Công nhân	Mỏ Than Vàng Danh
01/1992 - 06/1993	Nhân viên Phòng KHTT	Mỏ Than Vàng Danh
07/1993 - 08/1997	Nhân viên Phòng KTM	Mỏ Than Vàng Danh
09/1997 - 09/1998	Chuyên viên Ban ĐTXD	TVN
10/1998 - 10/1999	Chuyên viên Ban KTM&MT	TVN
11/1999 - 08/2002	Chuyên viên Ban KHCVN&ĐT	TVN
09/2002 - 12/2004	Trưởng phòng Quản lý xây lắp	Ban Đầu Tư Phát Triển

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
01/2005 - 12/2006	Phó trưởng ban	Ban CBSX mỏ Than - TKV
01/2007 - 12/2007	Phó Giám đốc	Công ty Than Quang Hanh
01/2008 - 05/2009	Phó Giám đốc	Ban QLDA các công trình Than QN-TKV
06/2009 - 05/2010	Giám Đốc	Ban QLDA các công trình Than QN-TKV
06/2010 - 06/2011	Phó Giám đốc	Công ty tư vấn QLDA ĐTXD - TKV
07/2011 đến nay	Phó Giám đốc	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 0 CP

f) Phó Giám đốc phụ trách CDVT:

- Họ tên : **LÊ VĂN GIANG**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09 tháng 9 năm 1962
- Quê quán : Khánh Hội, Kim Sơn, Ninh Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Địa chỉ thường trú : Phường Hà Tu - TP Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 100528911, cấp ngày: 10/05/1986 tại Công an Quảng Ninh
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ điện
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
01/1985 - 11/1988	Nhân viên Phòng vật tư	Ban quản lý công trình Than Hòn Gai
12/1988 - 4/1995	Thủ kho vật tư	Phòng Vật tư mỏ Than Núi Béo
5/1995 - 5/2004	Phó Quản đốc cơ điện Công trường Vía 11.	Công ty than Núi Béo
6/2004 - 5/2005	Phó phòng CDM	Công ty than Núi Béo
6/2005 - 3/2006	Phụ trách Phân xưởng Trạm mạng & Thoát nước	Công ty than Núi Béo;

*Đức* 11

4/2006 - 2/2011	Quản đốc Phân xưởng Trạm mạng & Thoát nước	Công ty Cổ phần Than Núi Béo – TKV.
3/2011 – 5/2014	Trưởng phòng CDM Công ty	CP than Núi Béo – Vinacomin
6/2014 đến nay	Phó Giám đốc	CP than Núi Béo – Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 4.587 CP

g) Kế toán trưởng Công ty

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ TÂM**
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 14/8/1971.
- Quê quán : Thị xã Đồ Sơn – TP Hải Phòng.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 Khu 2 P. Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh
- Chứng minh nhân dân : 100665740 do CA Quảng Ninh cấp ngày 08/8/2005.
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ	Đơn vị công tác
11/1991 – 6/1995	Cán bộ Phòng KCS	Công ty Than Hòn Gai.
07/1995 – 03/2005	Cán bộ Phòng KTTK	Công ty Than Núi Béo.
04/2005 – 02/2009	Phó phòng KTTC	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - TKV
03/2009 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin

- Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần cá nhân đang sở hữu tính đến ngày 16/3/2015: 895 CP

2.2. Những thay đổi trong Lãnh đạo điều hành Công ty:

- Bổ nhiệm ông Lê Văn Giang giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/6/2014.

- Giải quyết chế độ để ông Nguyễn Phúc Hưng – Phó Giám đốc Công ty về nghỉ hưu kể từ ngày 01/11/2014.

- Bổ nhiệm bà Dương Thị Thu Phong giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2014.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số CBCNV của Công ty tính đến 31/12/2014 là: 2335 người; trong đó: Bộ máy quản lý gián tiếp: 329 người, công

nhân là: 2.006 người. Năm 2014, Công ty bố trí đủ việc làm cho người lao động; tiền lương, thu nhập ổn định đạt cao hơn kế hoạch đặt ra.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **3.1. Công tác Đầu tư - XDCT:**

Năm 2014, giá trị thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ khai thác than lộ thiên là 60,2 tỷ đồng, đạt 75,0% kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do công tác GPMB gặp nhiều khó khăn nên giá trị GPMB đạt thấp 59,3% kế hoạch, không đầu tư máy biến áp 6.300 KVA, giảm giá trị quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phía Bắc quốc lộ 18A. Cụ thể trong năm đã thực hiện các nội dung:

- Thi công xong Giai đoạn I và toàn bộ phần diện tích không bị vướng mắc GPMB Giai đoạn II của Dự án Đầu tư, bổ sung khu Tái định cư Khe Cá - Hà Phong.

- Di chuyển đưa vào sử dụng hệ thống tuyến Huyện phù số 2 từ mặt bằng +24 sang mặt bằng +15 của Dự án cải tạo mở rộng khai thác lộ thiên.

- Tiếp nhận và bàn giao đưa vào sử dụng 04 xe Scania của Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2013 chuyển tiếp sang năm 2014.

- Đầu tư hệ thống giao ban trực tuyến, SCPH Hệ thống tuyến huyện phù số 1, máy gạt lớp Volvo số 2, máy trắc địa, máy Photo, máy in,... của Dự án đầu tư mới và SCPH thiết bị năm 2014.

- Triển khai Lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực phía Bắc Quốc lộ 18A, TP. Hạ Long.

#### **3.2. Dự án hầm lò:**

Mặc dù trong quá trình triển khai thực hiện dự án còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên trong những tháng cuối năm bằng nhiều giải pháp, Công ty và nhà thầu đã đẩy nhanh được tiến độ thi công hoàn thành vượt mức kế hoạch. Cụ thể:

- Tổng khối lượng mét lò XDCT thực hiện 535m/525m, đạt 102% kế hoạch.

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng ước tính: 277,5/ 266,5 tỷ đồng, đạt 104,1% kế hoạch.

- Tổ chức thẩm tra, thẩm định phê duyệt: TKKT-TDT của dự án (Quyết định số 1765/QĐ-VNBC ngày 21/5/2014); TKBVTC-DT các hạng mục thuộc gói thầu số 16 (Quyết định số 2431/QĐ-VNBC ngày 15/7/2014); HSMT gói thầu số 16 (quyết định số 3941/QĐ-VNBC ngày 31/10/2014); ngày 13/11/2014, đã phát hành HSMT và đang làm các thủ tục tiếp theo để tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định; bộ định mức đơn giá XDCT đào chống lò giếng đứng (Quyết định số 3805/QĐ-VNBC ngày 20/10/2014).

- Tổ chức ký hợp đồng vay tín dụng 800 tỷ với ngân hàng Ngoại thương, nâng tổng số vốn huy động phục vụ dự án lên 3.800 tỷ đồng, đảm bảo nguồn vốn hoạt động các năm tiếp theo.

- Tổ chức giải ngân thanh toán khối lượng thực hiện đã hoàn thành cho các nhà thầu, cụ thể: Tư vấn thiết kế - Viện KHCN mỏ - Vinacomin là 35,0 tỷ đồng; Nhà thầu thi công giếng - Công ty XDM hầm lò 1- Vinacomin là 115,5 tỷ đồng; Tư vấn thẩm tra ĐM-ĐG-Viện Kinh tế Xây dựng- Bộ Xây dựng là 150 triệu đồng; Tư vấn khảo sát khoan thăm dò qua phay giếng chính - Chi nhánh Công ty CP tư

vấn đầu tư mở và Công nghiệp - Vinacomin - Xí nghiệp dịch vụ tổng hợp và xây dựng là 93 triệu đồng. Tổng cộng 170,1 tỷ đồng.

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	31/12/2013
*	<b>TÀI SẢN</b>			
A	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>302.991.218.575</b>	<b>396.697.616.797</b>
I	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>9.097.547.543</b>	<b>7.212.407.529</b>
1	Tiền	111	9.097.547.543	7.212.407.529
II	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	-	-
III	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>57.207.995.690</b>	<b>273.729.354.864</b>
1	Phải thu khách hàng	131	31.171.683.856	177.545.291.633
2	Trả trước cho người bán	132	21.312.498.828	95.022.168.266
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	139.742.662	
4	Các khoản phải thu khác	135	12.147.693.890	10.130.314.297
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(7.563.623.546)	(8.968.419.332)
IV	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>202.023.922.834</b>	<b>114.567.068.666</b>
1	Hàng tồn kho	141	202.232.295.118	114.567.068.666
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(208.372.284)	
V	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>34.661.752.508</b>	<b>1.188.785.738</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.111.549.610	1.188.785.738
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	33.550.202.898	
B	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>840.914.265.018</b>	<b>776.760.113.554</b>
I	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	-	-
II	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>751.770.412.117</b>	<b>685.538.003.059</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	261.572.892.720	456.505.701.791
2	Tài sản cố định vô hình	227	16.229.903.255	10.807.105.943
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở	230	473.967.616.142	218.225.195.325

*Đã 14*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	31/12/2013
	dang			
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>3.182.995.958</b>	<b>4.000.000.000</b>
1	Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh			
2	Đầu tư dài hạn khác	258	4.000.000.000	4.000.000.000
3	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	(817.004.042)	
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>85.960.856.943</b>	<b>87.222.110.495</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	38.350.716.589	47.085.357.318
2	Tài sản dài hạn khác	268	47.610.140.354	40.136.753.177
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>1.143.905.483.593</b>	<b>1.173.457.730.351</b>
*	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>	<b>769.769.772.755</b>	<b>861.315.876.306</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>427.472.702.424</b>	<b>483.795.877.435</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		18.904.991.382
2	Phải trả người bán	312	90.077.775.541	161.950.131.686
3	Người mua trả tiền trước	313	91.408.874.316	7.153.672.918
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	53.245.090.434	85.008.145.246
5	Phải trả người lao động	315	62.004.729.275	46.704.275.526
6	Chi phí phải trả	316	20.617.200	5.517.519.069
7	Phải trả nội bộ	317	11.848.972.000	40.092.631.779
8	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	28.097.000.444	25.049.301.542
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	90.769.643.214	93.415.208.287
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>342.297.070.331</b>	<b>377.519.998.871</b>
1	Vay và nợ dài hạn	334	342.297.070.331	377.519.998.871
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>374.135.710.838</b>	<b>312.141.854.045</b>

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2014	31/12/2013
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>374.120.625.660</b>	<b>312.126.768.867</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	279.986.260.000	279.986.260.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	(161.650.000)	(161.650.000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	417	94.202.124.623	27.047.649.357
4	Quỹ dự phòng tài chính	418		5.160.618.473
5	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	93.891.037	93.891.037
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>15.085.178</b>	<b>15.085.178</b>
1	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	15.085.178	15.085.178
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>	<b>1.143.905.483.593</b>	<b>1.173.457.730.351</b>

*b) Kết quả kinh doanh*

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	12 tháng 2014	12 tháng 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.821.088.102.090	2.217.815.146.790
2	Các khoản giảm trừ	02		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.821.088.102.090	2.217.815.146.790
4	Giá vốn hàng bán	11	1.488.729.140.541	1.800.339.382.501
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	332.358.961.549	417.475.764.289
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.629.259.318	1.829.217.651
7	Chi phí tài chính	22	12.120.120.296	25.835.662.682
8	Chi phí bán hàng	24	55.130.238.370	122.591.576.648
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	140.424.849.465	148.214.059.424
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	126.313.012.736	122.663.683.186
11	Thu nhập khác	31	32.719.630.997	11.721.129.091
12	Chi phí khác	32	15.996.057.802	31.026.835.390



STT	CHỈ TIÊU	Mã số	12 tháng 2014	12 tháng 2013
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	16.723.573.195	(19.305.706.299)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	143.036.585.931	103.357.976.887
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32.075.032.569	27.089.820.245
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60	110.961.553.362	76.268.156.642

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. **Cổ phần:** Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 27.998.626 cổ phần, số cổ phần chuyển nhượng tự do là: 27.998.626 cổ phần, số phần bị hạn chế chuyển nhượng là: 0 cổ phần.

5.2. **Cơ cấu cổ đông:** Tính đến ngày đăng ký cuối cùng 16/3/2015

STT	Phân loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỉ lệ
<b>A</b>	<b>TỔ CHỨC</b>	<b>38</b>	<b>22.599.915</b>	<b>80,72</b>
1	Trong nước	28	21.646.656	77,31
2	Nước ngoài	10	953.259	3,40
<b>B</b>	<b>CÁ NHÂN</b>	<b>1.736</b>	<b>5.398.711</b>	<b>19,28</b>
1	Trong nước	1.645	4.746.828	16,95
2	Nước ngoài	91	651.883	2,33
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.774</b>	<b>27.998.626</b>	<b>100,00</b>

Công ty có 02 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của Công ty, đó là: <sup>(1)</sup> Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm giữ 52,9%; <sup>(2)</sup> Công ty Cổ phần Cơ điện Lạnh nắm giữ 23,81%

5.3. Tình hình thay đổi vốn của chủ sở hữu: Trong năm 2014, vốn của chủ sở hữu của Công ty tăng 61,993 tỷ đồng từ hoạt động SXKD, sau khi Công ty đã phân phối lợi nhuận, chia cổ tức cổ đông...

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

### III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với kết quả thực hiện nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao (nêu tại mục 1 phần II), HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đánh giá từng lĩnh vực hoạt động của Công ty trong năm 2014 như sau:

*Đức*<sup>17</sup>

### **1.1. Kỹ thuật sản xuất**

Công tác quản lý kỹ thuật khai thác của Công ty đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, tuy nhiên do khai trường chịu ảnh hưởng của các phay phá, đứt gãy và khai thác than hầm lò của mỏ Hà Lâm nên xuất hiện một số khu vực bị tụt lún có nguy cơ mất an toàn đã được Công ty thường xuyên theo dõi, cập nhật và lên các phương án phòng tránh kịp thời, hiệu quả. Các công việc phát sinh ngoài công nghệ Công ty đã lập phương án thi công, cập nhật, báo cáo kịp thời và được Tập đoàn nghiệm thu, bổ sung chi phí.

Công ty đã hoàn thành việc xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Dự án mở rộng khai thác lộ thiên mỏ than Núi Béo; hoàn thiện hồ sơ TKBVTC-TDT của dự án mở rộng khai thác mỏ lộ thiên Núi Béo; phối hợp với đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch phân khu chức năng tỷ lệ 1/2000 khu vực phía Bắc quốc lộ 18A đang thỏa thuận với UBND TP Hạ Long và trình UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt...

Công ty đã tích cực phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất kiểm đếm, lập và thẩm định các phương án Đền bù - GPMB dự án khai thác lộ thiên và dự án hầm lò; phối hợp với UBND phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung và thành phố Hạ Long giải quyết các kiến nghị của nhân dân. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện GPMB còn chậm, vướng mắc, còn nhiều hộ dân chưa bàn giao mặt bằng do chưa có Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hoặc đã phê duyệt phương án bồi thường nhưng phương án chưa đầy đủ, dân kiến nghị về chế độ chính sách bồi thường, tái định cư, giá trị, đơn giá bồi thường thấp. Cụ thể:

- Số hộ chưa bàn giao mặt bằng còn 142/256 hộ (P.Hà Tu: 63 hộ; P.Hà Trung: 72 hộ; P.Hà Phong: 05 hộ; P.Hà Lâm: 02 hộ). Trong đó:

+ Chưa có Quyết định phê duyệt phương án là 35 hộ (P.Hà Tu: 29 hộ; P.Hà Trung: 03 hộ; P.Hà Phong: 02 hộ; P.Hà Lâm: 01 hộ).

+ Đã có Quyết định phê duyệt phương án nhưng chưa nhận tiền bàn giao mặt bằng 107 hộ (P.Hà Tu: 34 hộ; P.Hà Trung: 69 hộ; P.Hà Phong: 3 hộ; P.Hà Lâm: 1 hộ).

- Tổng giá trị thực hiện đền bù-GPMB năm 2014 là 7,8/23,2 tỷ đồng, đạt 59,3% kế hoạch.

### **1.2. Công tác môi trường**

Quản lý bảo vệ môi trường đang là áp lực rất lớn đối với Công ty. Để giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp góp phần cải thiện đáng kể môi trường sản xuất như: Thường xuyên chăm lo tưới nước dập bụi các tuyến đường vận tải than đất và khu vực chế biến than; trồng cây phủ xanh đất trống khu vực đã ngừng khai thác và đổ thải; triển khai xây dựng các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thu gom nước thải nhiễm dầu, nhà chứa chất thải nguy hại; nạo vét các suối Hà Trung, Hà Tu, hệ thống cống rãnh trong Công ty; giám sát thi công công trình: xử lý tuyến suối Hà Tu, kè chống đất đá trôi gây ngập lụt đến khu vực dân cư; giám sát việc nạo vét bùn đất suối Hà Tu đoạn từ Cống số 1 đến cầu sắt Hà Tu trong đó Công ty đã hỗ trợ 500 triệu đồng cho dự án; hợp tác với CHLB Đức (DA RAME) thực hiện dự án quy hoạch sử dụng đất sau khai thác; hợp tác với Hàn Quốc

(DA JOGMEC) thực hiện trồng thử nghiệm cỏ, cây trên taluy mức +254 bãi thải Chính Bắc; hợp tác với Nhật Bản (DA JICA) thực hiện trồng thử nghiệm cây Jatropha tại mặt bằng +254 phía Nam bãi thải Chính Bắc...

Tổng giá trị thực hiện công tác Môi trường năm 2014 của Công ty là 18,17 tỷ đồng, trong đó chi phí bảo vệ môi trường thường xuyên là 10,98 tỷ đồng và chi phí quỹ môi trường tập trung của TKV là 7,2 tỷ đồng.

### **1.3. Quản trị chi phí giá thành**

Kế hoạch năm 2014, Tập đoàn tiếp tục tiết giảm 5% tổng chi phí tương ứng với 78,4 tỷ đồng, nên ngay từ đầu năm và trong năm, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tiết kiệm chi phí, nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, việc làm và thu nhập cho người lao động như: Ban hành mục tiêu nhiệm vụ và giải pháp điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng chương trình tiết giảm chi phí trong SXKD; ban hành kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh; ban hành hạn mức mua bán và tồn kho vật tư hàng quý và cả năm; điều hành SXKD 6 tháng cuối năm và cả năm 2014; điều hành SXKD 2 tháng cuối năm và cả năm 2014; Hàng tháng rà soát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, cân đối lại năng lực, chi phí sản xuất, phân tích những việc đã làm được, các vấn đề còn tồn tại, các nguy cơ rủi ro trong SXKD đề ra phương hướng điều hành sản xuất kinh doanh cho những tháng tiếp theo kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất.

Triển khai giao khoán chi phí sản xuất; giao khoán quản trị công nghệ và chi phí sản xuất kinh doanh, ký kết hợp đồng trách nhiệm giữa Giám đốc Công ty với Trưởng phòng, Quản đốc; khoán hạn mức bằng tiền đối với cán bộ, công nhân viên kỹ thuật của đơn vị, phòng ban tự túc sử dụng xe của cá nhân để phục vụ điều hành sản xuất của Công ty; khoán hạn mức sử dụng văn phòng phẩm, điện thoại, dụng cụ đồ nghề cho các đơn vị, phòng ban tự mua sắm, trường hợp sử dụng vượt quá hạn mức thì trừ vào tiền lương của người sử dụng và người phụ trách đơn vị; hàng tháng, quý, 6 tháng, kết thúc năm kiểm tra thực hiện và quyết toán khoán với các đơn vị, phòng ban; các đơn vị đã xây dựng và thực hiện tốt chương trình hành động và các biện pháp tiết giảm chi phí, ký kết biên bản giao nhận khoán với tổ sản xuất; đã khai thác có hiệu quả hệ thống định vị theo dõi hành trình (GPS)...

Thường xuyên kiểm tra kiểm soát giá trị mua và hạn mức tồn kho vật tư đảm bảo không vượt chi phí và hạn mức tồn kho giao khoán, cụ thể giá trị tồn cuối kỳ đã giảm so với đầu kỳ là 1,32 tỷ đồng (10,87/12,19 tỷ đồng); tiếp tục đàm phán với khách hàng cung ứng vật tư giảm 5% so với giá năm 2013: kết quả cả năm đã giảm được 3,5 tỷ đồng; thực hiện quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hoá các hoạt động tài chính giảm chi phí lãi vay so với kế hoạch, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính (thực hiện chi phí lãi vay là 11,3 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch, trong đó chi phí lãi vay vốn lưu động là 1,0 tỷ đồng, đạt 10,3% kế hoạch), hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu là 2,8; hệ số bảo toàn vốn là 1,2.

### **1.4. Quản lý thuê ngoài**

Năm 2014, Công ty vẫn phải thuê ngoài thực hiện một số công đoạn trong sản xuất than. Do nguồn vốn để chi trả cho các đơn vị thuê ngoài thực hiện các công đoạn trên là vốn sản xuất kinh doanh nên không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Luật Đấu thầu. Tuy nhiên để tạo sự minh bạch trong quá trình lựa chọn, Công ty vận dụng

một cách linh hoạt các quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu để tổ chức chỉ định thầu 01 gói thầu thi công vận chuyển đất đá nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất; đấu thầu rộng rãi trong nước 01 gói thầu thi công bốc xúc, vận chuyển đất đá theo đúng quy định của Tập đoàn; không thuê các đơn vị ngoài ngành vận chuyển than và các sản phẩm có lẫn than.

Tổ chức hướng dẫn các nhà thầu thực hiện đúng quy trình kỹ thuật, quy phạm an toàn trong khai thác mỏ và quy định của Công ty về quản lý thuê ngoài; Triển khai ký kết quy chế phối hợp giữa Công ty với nhà thầu thuê ngoài cùng làm tốt công tác giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn trong sản xuất; Tổ chức kiểm tra các nhà thầu về năng lực thi công, quản lý lao động, điều kiện an toàn thiết bị và thực hiện những cam kết khác trong hợp đồng; 100% xe của nhà thầu vào làm việc trong khai trường của Công ty đã được lắp đặt GPS để kiểm tra, theo dõi, giám sát quá trình thi công.

### **1.5. Việc làm và chăm lo đời sống người lao động**

- Về việc làm: Năm 2014, mặc dù sản lượng khai thác của Công ty giảm so với các năm trước, song Công ty vẫn tiếp tục cân đối đủ việc làm cho người lao động. Trong quá trình điều hành sản xuất, các đơn vị, phòng ban đã chủ động bố trí đủ việc làm cho người lao động của Công ty mới bố trí thiết bị và lao động thuê ngoài; Công ty đã ký hợp đồng thuê ngoài bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nên đã giảm được sức ép về lao động; người lao động có thời gian nghỉ bù, nghỉ tuần đúng quy định.

- Về quản lý lao động: Công ty đã tăng cường các biện pháp quản lý và kiểm tra đôn đốc thường xuyên, nhắc nhở và duy trì nghiêm kỷ luật lao động. Việc chấp hành quy trình quy phạm, xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm kỷ luật nội quy lao động nên đã duy trì nề nếp, tác phong công nghiệp và nâng cao được ý thức của người lao động. Trong năm đã xử lý kỷ luật 7 vụ, trong đó khiển trách 08 trường hợp; kéo dài thời hạn nâng lương 01 trường hợp; tổng số tiền bồi thường vật chất: 28,68 triệu đồng; các vụ xử kỷ luật đều thực hiện nghiêm túc, chứng minh được lỗi của người lao động và xử đúng người, đúng tội, không xảy ra kiện cáo, thắc mắc.

- Về tuyển dụng lao động: Công ty đã ban hành và phổ biến rộng rãi quy chế tuyển dụng đến người lao động và đăng trên các phương tiện thông tin của Công ty; thành lập hội đồng tuyển dụng; Công ty hạn chế tuyển dụng bổ sung lao động phục vụ phụ trợ, quản lý gián tiếp nếu không quá cần thiết để giảm sức ép về lao động sau kết thúc khai thác lộ thiên. Chỉ tuyển dụng những đối tượng lao động kỹ thuật còn thiếu để vận hành, sửa chữa thiết bị và bổ sung cho các bộ phận thiếu hụt lao động vì có người nghỉ chế độ, chấm dứt HĐLĐ,... Trong năm Công ty tuyển dụng thêm 10 lao động đã qua đào tạo, có nghề phù hợp đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất của Công ty, trong đó: (i) 04 lao động có trình độ đại học, trong đó: 01 người là con công nhân của Công ty đã bị chết do tai nạn lao động; (ii) 02 lao động có trình độ trung cấp, trong đó: 01 người là nhân tố thể thao của Công ty; 05 người tiếp nhận lại sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về.

- Số lượng lao động: Tổng số lao động danh sách cuối kỳ năm 2014 là 2.335 người, giảm trong kỳ 262 người.

- Về cơ chế khuyến khích lao động: Trong năm có thời điểm khối lượng công việc tăng cao dẫn đến thiếu lao động cục bộ, Giám đốc Công ty có cơ chế trả lương khuyến khích làm thêm nhiệm, thêm giờ, công trình việc khó... Công đoàn Công ty đã vận động người lao động có nhu cầu tự nguyện đăng ký làm thêm ca, thêm giờ và đăng ký đảm nhận các công trình việc khó, làm việc ngoài giờ để tăng thu nhập chính đáng cho người lao động.

- Về thu nhập: Các giải pháp đề ra đối với thu nhập và đời sống người lao động đã được Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ, đó là:

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tăng cường công tác quản lý lao động, tiền lương, giao khoán tiền lương bằng 80% tổng quỹ tiền lương kế hoạch, đơn giá tiền lương trực tiếp của công nhân sản xuất chính đã được điều chỉnh phù hợp hơn với quy định của Nhà nước. Tuy năm 2014, tiêu thụ than tiếp tục gặp khó khăn, Tập đoàn yêu cầu tiết giảm chi phí, Công ty cũng đã sử dụng nhiều biện pháp tiết giảm chi phí, nhưng vẫn đồng thời đảm bảo được thu nhập tiền lương bình quân theo định mức là 8.246 nghìn đồng/người tháng, đạt 128,0% kế hoạch.

Triển khai điều chỉnh lại biên độ giãn cách tiền lương một số ngành nghề cho phù hợp, trong đó có chế độ áp dụng cho các đối tượng lao động giản đơn, nhân viên quản lý có thu nhập thấp; khuyến khích công nhân kỹ thuật và thợ có tay nghề cao, viên chức có năng lực giỏi.

Tiếp tục sử dụng nguồn tiền lương khuyến khích, để kịp thời khuyến khích người lao động trực tiếp làm việc có năng suất, an toàn và đạt hiệu quả cao.

Người lao động đi làm được hưởng tiêu chuẩn ăn giữa ca 26.000đ/công, trong đó chi trả trực tiếp vào bữa ăn 20.000đ/suất đảm bảo chất lượng, giá trị còn lại Công ty chi trả trực tiếp bằng tiền cho người lao động; được hưởng chế độ bồi dưỡng nặng nhọc độc hại khi làm việc trong môi trường, điều kiện có yếu tố nặng nhọc độc hại theo đúng quy định của Nhà nước; được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động với chất lượng đảm bảo, kích cỡ phù hợp với từng ngành nghề; được trang bị đủ dụng cụ đồ nghề làm việc theo quy định.

Hàng tháng Công ty triển khai duyệt giá hàng phục vụ ăn giữa ca để nâng cao chất lượng bữa ăn cho người lao động; thực hiện nghiêm túc công tác quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường cho người lao động; triệt để sử dụng nước lọc tinh khiết của Phân xưởng SCO sản xuất có chất lượng cao để phục vụ nấu ăn và nước uống tại các nhà ăn trong Công ty.

Thanh toán đầy đủ các chế độ thai sản, giờ sữa, hiếu hỷ, lao động nữ, người tàn tật theo đúng quy định của Nhà nước với tổng số tiền trên: 741,4 triệu đồng, trong đó tiền trả chế độ hiếu, hỷ 64,1 triệu đồng; Tiền trả chế độ thai sản 32,5 triệu đồng; Tiền trả chế độ giờ sữa 125,7 triệu đồng; Tiền trả chế độ LĐ nữ: 223,8 triệu đồng; Tiền trả chế độ người tàn tật: 295,3 triệu đồng.

Trong năm Công ty đã tổ chức cho người lao động được đi nghỉ dưỡng sức phục hồi chức năng, bố trí đi thăm quan du lịch trong và ngoài nước. Cụ thể: Nghỉ tuần 12 đợt cho 486 lao động với tổng số tiền là 803,5 tỷ đồng; Nghỉ dưỡng sức tập trung cho 235 người, với tổng số tiền là 796,6 triệu đồng; Giải quyết cho 11 CBCN nghỉ hưu đủ tuổi; 40 CBCN về nghỉ hưu trước tuổi hưởng hỗ trợ của Tập đoàn với tổng số tiền trên 2,1 tỷ đồng; nghỉ hưởng hỗ trợ Tập đoàn 01 lần cho 01 người, với

*Đức*

số tiền là 21,9 triệu đồng; Chấm dứt HĐLĐ, điều chuyển công tác đúng theo quy định của pháp luật Nhà nước, Tập đoàn cho 210 trường hợp và trả trợ cấp thôi việc với giá trị là 1,69 tỷ đồng. Tổ chức cho 15 đoàn công nhân, cán bộ đi thăm quan du lịch trong và ngoài nước 425 người, với tổng số tiền hơn 2,7 tỷ đồng.

Công ty duy trì thi nâng bậc cho CNKT và nâng lương cho CBCNV một năm 2 kỳ. Năm 2014 có 141 công nhân được nâng bậc; 292 CBCNV được nâng lương theo đúng quy chế;

Toàn bộ người lao động được khám sức khỏe trước khi bố trí việc làm và 99% số lao động được khám sức khỏe định kỳ 02 lần trong năm, trong đó khám cho cán bộ chủ chốt 60 người, lao động nữ 700 người, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định và yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn; qua đó đã phát hiện được 20 trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp hiện đang làm thủ tục giám định và đề nghị cấp sổ bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

Tiếp tục duy trì phong trào hoạt động Văn hoá - Thể thao nâng cao đời sống văn hoá tinh thần cho người lao động. Công ty đã tổ chức thành công các môn thi đấu truyền thống như: Cờ vua, cờ tướng, kéo co nữ, bóng đá nam, bơi trong bể... Công ty thành lập các câu lạc bộ bóng bàn, cầu lông, tennis các câu lạc bộ này đã triển khai hoạt động tại Nhà sinh hoạt VHTT công nhân; tổ chức cho các đội tuyển của Công ty luyện tập, tham gia các giải bóng bàn, cầu lông, tennis, giải cờ vua của TKV, giải bơi truyền thống vượt sông Bạch Đằng, kết quả các giải Công ty đều đạt được thành tích cao.

Công ty duy trì thường xuyên đặt mua hàng chục loại báo, tạp chí, phân phát đến các đơn vị sản xuất để người lao động tiếp nhận thông tin.

### ***1.6. Công tác an sinh xã hội***

Trong năm Công ty đã tạo việc làm ổn định cho 100% CNLĐ và tạo thêm việc làm cho 10 lao động của địa phương, trong đó con em CBCNV trong Công ty là 01 người; Đã chi 2,4 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội từ nguồn quỹ phúc lợi với các nội dung thăm hỏi gia đình chính sách, gia đình khó khăn, gia đình bị TNLD; Đóng góp quỹ người nghèo với địa phương, tỉnh; Ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa; Giúp đỡ các phường; Giúp các đơn vị quân đội,...

Công ty đã tạo điều kiện giải quyết việc làm, an sinh xã hội cho các địa phương nơi Công ty làm việc, thông qua hợp đồng thuê lao động, hợp đồng kinh tế; quan tâm hỗ trợ các tổ chức của phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung, Trung đoàn 213, thành phố Hạ Long.

### ***1.7. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực***

Trong năm, Công ty đã hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển để đáp ứng kịp thời yêu cầu của quản lý. Triển khai tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật nghiệp vụ, nhân viên kinh tế các công trường, phân xưởng.

Chọn cử, đăng ký cho một số cán bộ đi tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ một số chuyên đề tại Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực TKV và các lớp nghiệp vụ phục vụ dự án hầm lò, lớp học văn bằng 2 khai thác mỏ 14 người, lớp học dự bị

Giám đốc 01 người; lớp cán bộ kế cận cấp cao 02 người; lớp cao cấp lý luận chính trị 01 người; cử 04 đồng chí đi Nhật học lớp cán bộ quản lý khai thác và an toàn mỏ, cơ giới hóa khai thác, kỹ thuật tự động hóa và thiết bị; tổ chức mở lớp cho 35 cán bộ cấp trung, đào tạo thực tế tại mỏ Hà Lâm 02 người.

Triển khai tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản trị chi phí cho cán bộ quản lý của Công trường, Phân xưởng, Phòng ban nghiệp vụ; phối hợp với trường Cao đẳng nghề mỏ Hồng Cẩm-Vinacomin, Công ty cổ phần than Hà Lâm, thực hiện tuyển sinh, đào tạo cán bộ công nhân kỹ thuật khai thác hầm lò chuẩn bị cho Dự án khai thác than hầm lò vào năm 2019, Công ty đã tuyển được trên 150 lao động cho đi học nghề mỏ hầm lò phục vụ cho dự án.

Công tác đào tạo trong năm qua đã thực hiện đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao công tác quản lý trong nhiều lĩnh vực.

### **1.8. Công tác an toàn**

Trong năm Công ty đã tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy làm công tác AT-VSLĐ, thành lập Hội đồng BHLĐ và phân công trách nhiệm thực hiện cho từng thành viên trong Hội đồng; xây dựng và thực hiện tốt chương trình hoạt động hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia về AT-VSLĐ-PCCN lần thứ 16; đặc biệt quan tâm chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra đôn đốc làm tốt công tác cảnh báo, dự báo đề phòng tai nạn, sự cố rủi ro có khả năng xảy ra trong sản xuất.

Thực hiện kiểm tra 100% chế độ định kỳ theo quy định (02 lần theo thông tư 01/2011; 01 lần theo 389/TVN và 01 lần theo 1785/QĐ-TKV); triển khai huấn luyện định kỳ năm 2014; huấn luyện cho các nhóm 2; 3 là 425 người, nhóm 4 là 1890 người; cho mạng lưới AT-VSV là 244 người.

Công ty đã tăng cường cán bộ an toàn, giám sát người lao động thực hiện quy trình quy phạm, đình chỉ và xử lý công khai, nghiêm khắc các đối tượng vi phạm. Kết quả trong năm đã có 72 kiến nghị cảnh báo, ghi sổ đối với các đơn vị sản xuất, lập biên bản 16 trường hợp người lao động vi phạm quy trình, quy phạm; xử lý kỷ luật 11 vụ, trong đó hình thức chuyển làm việc khác 04 trường hợp, khiển trách 11 trường hợp.

Công ty đã huấn luyện an toàn bước 1 cho 20 người lao động mới tiếp nhận và sinh viên thực tập; huấn luyện và cấp thẻ an toàn cho 209 lượt công nhân vào làm việc của đơn vị hợp đồng kinh tế; huấn luyện an toàn theo định kỳ cho 1890 lượt người làm các ngành nghề (đảm bảo 100% lao động trong diện huấn luyện); huấn luyện cho 189 công nhân kỹ thuật thi nâng bậc; huấn luyện an toàn định kỳ cho 222 lượt người làm công việc có liên quan đến an toàn điện; toàn bộ lao động mới tuyển dụng đều được các đơn vị huấn luyện an toàn bước 2 và tổ sản xuất kèm cấp bước 3 theo quy định; 100 % người lao động trong Công ty đều ký cam kết thực hiện an toàn trong sản xuất.

Công ty đã đầu tư đáng kể cho công tác tuyên truyền về AT - BHLĐ với trên 500 pano, áp phích; 52 khẩu hiệu để tuyên truyền cổ động.

Trong năm đã đề xảy ra 02 vụ tai nạn lao động và có 03 vụ sự cố thiết bị loại I, loại II và một số vụ sự cố nhẹ thông thường,

Công ty đã thành lập 21 đội PCCC gồm 445 đội viên tại các đơn vị; đã tổ chức để Công an tỉnh Quảng Ninh huấn luyện định kỳ và cấp giấy chứng nhận đội viên PCCC cho 70 người; đã xây dựng và được Công an tỉnh Quảng Ninh phê duyệt phương án PCCC; lực lượng PCCC tại cơ sở đã được Công ty và đơn vị tự huấn luyện, đảm bảo xử lý tốt được các tình huống cháy xảy ra. Trong năm, Công ty đã trang bị bổ sung thêm nhiều dụng cụ, phương tiện PCCC; các phương tiện, dụng cụ đều được kiểm tra thường xuyên đảm bảo sẵn sàng, hoạt động có hiệu quả.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác AT - VSLĐ của Công ty vẫn còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục như: Trong năm đã để xảy ra 02 vụ tai nạn lao động tăng 01 vụ so với 2013 và 03 vụ sự cố thiết bị loại I, loại II tăng 03 vụ so với năm 2013 và một số vụ sự cố nhẹ thông thường. Ý thức chấp hành Nội quy an toàn của một bộ phận cán bộ, công nhân chưa cao, còn vi phạm Quy trình, quy phạm gây thiệt hại kinh tế; mạng lưới an toàn vệ sinh viên chưa phát huy hết vai trò và tác dụng của hệ thống; việc ghi chép sổ sách theo dõi, quản lý công tác AT-VSLĐ của một số đơn vị chưa được chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu quản lý, công tác dự báo, cảnh báo các nguy cơ tai nạn-sự cố trong ca cần làm tốt hơn nữa...

### **1.9. Công tác an ninh trật tự**

Do khai trường sản xuất xen kẽ dân cư nên công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên ranh giới mỏ chống khai thác, chế biến, tiêu thụ than trái phép hết sức phức tạp. Để làm tốt công tác bảo vệ ANTT khai trường, ranh giới quản lý tài nguyên và công tác vận chuyển, tiêu thụ than, Công ty đã: <sup>(1)</sup> ký và thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh và quản lý, khai thác, vận chuyển, kinh doanh than trái phép trên địa bàn với UBND thành phố Hạ Long, UBND các phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung; quy chế phối hợp với phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy, phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH, Phòng An ninh kinh tế Công an tỉnh Quảng Ninh; quy chế phối hợp với Công an TP Hạ Long và Đội CSĐT về TTXH Công an TP Hạ Long; quy chế phối hợp với Công an các phường Hà Tu, Hà Phong, Hà Trung và Hồng Hà; quy chế phối hợp với Công ty Kho Vận Hòn Gai, Công ty TTHG, Trung đoàn 213; <sup>(2)</sup> chủ động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với chính quyền địa phương, Công an tỉnh, thành phố kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời các điểm khai thác than trái phép; <sup>(3)</sup> đối với các đơn vị hợp đồng hoạt động trong khai trường mỏ, Công ty đã triển khai ký Quy chế phối hợp bảo vệ an ninh, an toàn khai trường sản xuất và thành lập 05 cụm tự quản ANTT-AT-PCCN. Chính vì vậy trong năm 2014, an ninh chính trị nội bộ ổn định, tài sản vật tư, khai trường sản xuất cơ bản được giữ vững. Đã phối hợp với chính quyền địa phương các phường trên địa bàn, các cơ quan chức năng của thành phố Hạ Long kiểm tra, phát hiện, xử lý và ngăn chặn có hiệu quả 3 điểm bốc xúc đất đá, đào lò với mục đích khai thác than trái phép, cụ thể: tại tổ 4, khu I - phường Hà Trung, tổ 35, 37 khu 4B - phường Hà Phong và 02 cửa lò tại tổ 10, khu 3 - phường Hà Tu.

Tại thời điểm hiện nay, trong ranh giới tài nguyên Công ty quản lý, không có các điểm bốc xúc đất đá, đào lò với mục đích khai thác than trái phép.

### **1.10. Công tác Đầu tư – XDCB và triển khai xây dựng Dự án hầm lò (Đã đánh giá ở mục 3 phần II nêu trên)**



### **1.11. Công tác quản lý Vật tư**

Kiến toàn công tác quản lý vật tư như: Sửa đổi và ban hành quy chế quản lý vật tư; quy định chức năng, phân công nhiệm vụ chi tiết của từng thành viên tổ tư vấn giá vật tư và thực hiện hợp đồng mua, bán vật tư; quy định về theo dõi, quản lý và trình tự thực hiện bảo hành vật tư; quy định về sử dụng sản phẩm thay thế cho sản phẩm chính hãng; quy định về quản lý và sử dụng vật tư thu hồi cũ; chủ động chuẩn bị đủ vật tư phục vụ sản xuất; hệ thống kho vật tư đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ và trật tự an ninh theo quy định. Tuy nhiên khâu chuẩn bị vật tư cho sản xuất đôi lúc còn thiếu tính chủ động, cần tăng cường tìm kiếm khách hàng tạo sự cạnh tranh, giảm giá mua vật tư.

### **1.12. Công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tiếp dân, phòng chống tham nhũng lãng phí**

- Công tác thanh, kiểm tra: Công ty đã tiến hành thanh, kiểm tra 05 cuộc bao gồm: Thanh kiểm tra theo chương trình công tác quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng, thu nhập chế độ của người lao động; Kiểm tra quy định quản lý, sử dụng vật tư; Kiểm tra công tác quản lý kho than; Kiểm tra việc thanh, quyết toán các công trình do các đơn vị, tổ chức đăng ký đảm nhận thực hiện; thanh tra đột xuất 01 lần tại Phân xưởng Vận tải số 2. Qua thanh, kiểm tra nhìn chung các đơn vị, phòng ban đã thực hiện nghiêm túc các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại: Trong năm Công ty không có đơn thư tố cáo, khiếu nại liên quan đến Công ty, chỉ có một số đơn không thuộc quyền giải quyết, Công ty đã trả lại người viết đơn theo đúng quy định; có một số đơn thư thắc mắc về bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng đã được Công ty giải quyết một cách kịp thời, đúng quy định pháp luật.

- Công tác tiếp dân: Công ty đã duy trì tốt công tác tiếp công dân hàng tháng. Vào ngày 15 hàng tháng Giám đốc Công ty chủ trì cùng Công đoàn, Phòng TCLĐ, Phòng TPK, Phòng KCM, VP tổ chức tiếp dân và giải quyết kịp thời các thắc mắc. Trong năm đã tổ chức 09 cuộc tiếp dân với 23 lượt người, chủ yếu công dân gặp Giám đốc Công ty xin người nhà vào làm việc tại Công ty, số còn lại gặp Giám đốc để được hiểu rõ chế độ đền bù giải phóng mặt bằng. Không có trường hợp nào thắc mắc về chế độ, chính sách, việc xử lý kỷ luật của Công ty.

- Công tác phòng chống tham nhũng: Công ty đã thực hiện nghiêm túc quy định của Đảng, Chính phủ, UBND Tỉnh Quảng Ninh, TP Hạ Long, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và của Công ty về công tác phòng chống tham nhũng do đó không có vụ tham nhũng nào xảy ra; Quán triệt và tuyên truyền Luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí cho cán bộ, công nhân trong Công ty; Xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không kịp thời các quy định về phòng chống tham nhũng.

### **1.13. Công tác Thi đua**

Công ty đã phát động nhiều phong trào thi đua lao động sản xuất gắn với các sự kiện chính trị tạo thêm động lực thúc đẩy sản xuất phát triển. Kết quả Công ty hoàn thành toàn diện kế hoạch SXKD năm 2014; Hội đồng TD - KT Công ty xét duyệt các danh hiệu thi đua năm 2014 cho 2349 CBCN lao động, của 21 phòng

ban, 16 đơn vị sản xuất. Kết quả có 2253 người đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, 283 người đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua, 150 tổ sản xuất đạt lao động tiên tiến, 101 tổ sản xuất đạt lao động xuất sắc; Công ty xét duyệt và trình Hội đồng thi đua khen thưởng cấp trên tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cho 50 người đạt danh hiệu CSTĐ cấp TKV, 11 người đạt CSTĐ cấp Bộ Công thương, 14 tập thể và cá nhân tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công thương, 02 tập thể nhận Bằng khen của Thủ tướng chính phủ, 04 tập thể và cá nhân nhận Huân chương lao động; Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Tập đoàn trao tặng 85 người đạt Danh hiệu thợ Mỏ về vàng.

#### 1.14. Công tác sáng kiến

Năm 2014, Công ty có 154 hồ sơ sáng kiến, cải tiến, hợp lý hoá của các đơn vị và phòng ban đề nghị Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty xét duyệt, kết quả có 149 sáng kiến được duyệt với tổng giá trị làm lợi trên 20 tỷ đồng. Các sáng kiến đã và đang áp dụng vào thực tế phục vụ sản xuất góp phần tích cực giảm chi phí sản xuất cho Công ty.

### 2. Kế hoạch SXKD năm 2015 dự kiến được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

#### 2.1. Chỉ tiêu, sản lượng khai thác lộ thiên

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Bóc đất đá lộ thiên	1.000 M <sup>3</sup>	7.875
2	Than nguyên khai sản xuất	1.000 Tấn	1.050
3	Đào lò XDCB	m	495
4	Than sạch sàng tại mỏ	1.000 Tấn	884
-	Than sạch từ than NK	"	484
-	Than sạch từ sản phẩm ngoài than	"	400
5	Than tiêu thụ	1.000 Tấn	1.385
6	Doanh thu tổng số	Tỷ đồng	1.504
	<i>Trong đó, Doanh thu than</i>	Tỷ đồng	1.335
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33,739
8	Tiền lương bình quân theo lao động định mức	1.000đ/người /tháng	6.809
9	Cổ tức	%	5

#### 2.2. Triển khai thực hiện dự án hầm lò mỏ than Núi Béo:

a) Khối lượng công việc:

\* Phần xây dựng: Tiếp tục thi công phần còn lại của các ngã ba tiếp giáp thành giếng; Sử dụng tháp tạm giếng chính hiện có của nhà thầu phụ để thi công

sân ga hầm trạm mức -350; Lắp đặt cốt giềng phụ. Tổng khối lượng đào lò XDCB là 495 m.

\* Phần tư vấn, quản lý dự án, khác...

- Tiếp tục lập thẩm tra, thẩm định, phê duyệt TKBVTC-DT các hạng mục: khai thông mức -140; -350; lò chuẩn bị; hệ thống kỹ thuật phục vụ trong lò...

- Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các hạng mục: sân ga hầm trạm mức -140; -350; khai thông mức -140; -350; lò chuẩn bị; hệ thống kỹ thuật phục vụ trong lò...

- Giám sát thi công xây dựng cặp giềng và các đường lò, giám sát lắp đặt thiết bị gói thầu số 16.

- Mua phí bảo hiểm công trình; phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, giám sát thi công xây dựng, thiết bị theo quy định.

- Nộp phí vệ sinh, phí xây dựng theo quy định.

- Kiểm toán vốn đầu tư, thẩm tra phê duyệt theo tiến độ của dự án

- Nghiệm thu, thanh toán, giải ngân khối lượng thực hiện đã hoàn thành cho các nhà thầu.

- Thực hiện quản lý dự án, GPMB, trả lãi vay ngân hàng...

b) Giá trị đầu tư xây dựng dự kiến: 394,6 tỷ đồng.

### **3. Giải trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 so với báo cáo tài chính trước đây đã công bố.**

- Số liệu báo cáo tài chính quý IV và cả năm 2014 của Công ty công bố trước đây là số tạm tính do tại thời điểm 20/01/2015 Công ty chưa thực hiện thanh quyết toán chi phí với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Lợi nhuận sau thuế quý IV và cả năm 2014 của Công ty tăng so với quý IV và cả năm 2013 do giá bán than nội bộ của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tăng, cộng với việc Công ty tăng cường, nâng cao công tác quản lý, thực hiện tiết giảm chi phí SXKD.

### **4. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc.**

- Năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị giao. Các thành viên Ban Giám đốc đã phát huy hết khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, của cổ đông, đồng thời tuyệt đối trung thành không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Ban lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

## **5. Kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị trong năm 2015.**

5.1. Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội cổ đông giao, đẩy nhanh tiến độ xây dựng dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo để đưa công trình dự án vào khai thác sử dụng trước 01 năm kế hoạch.

5.2. Tiếp tục sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất lộ thiên theo hướng gọn nhẹ phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời thực hiện phương án giảm biên chế lao động quản lý, phục vụ phù trợ theo chủ trương, hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

5.3. Triển khai thực hiện cơ chế đặc thù của Công ty trong giai đoạn chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất từ lộ thiên sang hầm lò được Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam phê duyệt, trong đó có việc chuẩn bị kỹ về nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời quá trình phát triển lâu dài bền vững của Công ty.

5.4. Rà soát và sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đúng quy định của pháp luật... Tăng cường việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc quản lý sản xuất để tiết giảm chi phí trên cơ sở quản lý sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, tăng cường quản trị tài nguyên, chất lượng sản phẩm, nguồn than giao nhận, vận chuyển tiêu thụ than.

5.5. Thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng tại địa phương, bảo vệ, giữ vững an ninh trật tự, an toàn trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt hơn nữa công tác an toàn lao động theo hướng đảm bảo thực sự khắc phục được triệt để các rủi ro, nguy cơ, nguyên nhân nhằm giảm thiểu tai nạn lao động một cách vững chắc.

5.6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong và ngoài Công ty để kịp thời phản ánh chân thực, khách quan các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược vừa khai thác hết phần than lộ thiên, vừa xây dựng công trình dự án hầm lò để người lao động, cổ đông của Công ty nói riêng và các cấp chính quyền, Tập đoàn nói chung thấu hiểu, đồng thuận chia sẻ.

5.7. Tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến công tác cải tạo và phục hồi hoàn thổ môi trường, phấn đấu xây dựng Công ty trở thành mỏ Hiện đại - An toàn - Xanh - Sạch - Đẹp. Duy trì và phát triển văn hóa, thương hiệu của Công ty theo hướng hiện đại gắn với kỷ luật đồng tâm, truyền thống vượt khó, tăng cường mở rộng mối quan hệ với các cấp Chính quyền địa phương góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa bản địa, giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

5.8. Không ngừng củng cố xây dựng hệ thống chính trị: Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

## **IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng Quản trị**

#### **1.1. Về nhân sự HĐQT**

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 5 thành viên được bầu trực tiếp tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 và tính đến tháng 8/2014 nhân sự HĐQT Công ty

có sự thay đổi do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam thay đổi người đại diện tại Công ty: Ông Vũ Anh Tuấn, Ủy viên HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty thôi làm người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin, thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty; Ông Mai Quảng Thái, Phó Giám đốc Công ty thôi tham gia HĐQT để nhận nhiệm vụ mới do HĐQT Công ty phân công; Ông Hoàng Minh Hiếu, người đại diện phần vốn của TKV tại Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin được bầu vào HĐQT, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

a) Từ ngày 01/01/2014 – 20/8/2014

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT – Giám đốc	Người đại diện phần vốn của TKV, thành viên giữ chức vụ quản lý, điều hành Công ty
2	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập
3	Mai Quảng Thái	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc	Đại diện TKV, thành viên HĐQT giữ chức vụ quản lý, điều hành Công ty
4	Ông Lê Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc	Đại diện cổ đông ngoài TKV, thành viên giữ chức vụ quản lý Công ty
5	Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Đại diện cổ đông ngoài TKV, thành viên HĐQT độc lập

b) Từ ngày 21/8/2014 đến nay

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Người đại diện phần vốn của TKV và là thành viên HĐQT độc lập
2	Vũ Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT – Giám đốc	Đại diện TKV, thành viên HĐQT giữ chức vụ quản lý điều hành Công ty
3	Lã Tuấn Quỳnh	Ủy viên HĐQT	Đại diện TKV, thành viên HĐQT độc lập
4	Ông Lê Ngọc Tuấn	Ủy viên HĐQT – Phó Giám đốc	Đại diện cổ đông ngoài TKV, thành viên giữ chức vụ quản lý điều hành Công ty
5	Bà Đỗ Thị Thanh Huyền	Ủy viên HĐQT	Đại diện cổ đông ngoài TKV, thành viên HĐQT độc lập

**1.2. Các cuộc HĐQT:**

<b>Phiên họp</b>	<b>Ngày họp</b>	<b>Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thông qua</b>
01	27/01/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 27/01/2014 về việc: Bổ nhiệm ông Nguyễn Tiến Dũng giữ chức vụ Trưởng phòng TĐM Công ty;</li> <li>Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 27/01/2014 về việc: Bổ nhiệm ông Đỗ Anh Dân giữ chức vụ Trưởng phòng KHTT Công ty.</li> </ol>
02	26/02/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 26/2/2014 về việc: Duyệt chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2013;</li> <li>Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 26/2/2014 về việc: Phê duyệt định mức năng suất lao động năm 2014;</li> <li>Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 26/2/2014 về việc: Phê duyệt định mức tiêu hao vật liệu, nhiên liệu, điện năng năm 2014;</li> <li>Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 26/2/2014 về việc: Ban hành Quy chế Quản lý Vật tư.</li> </ol>
03	27/02/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 27/2/2014 về việc: Ban hành Quy chế Quản lý Lao động, Tiền lương;</li> <li>Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 27/2/2014 về việc: Phê duyệt đơn giá, quỹ tiền lương sản xuất than; quỹ lương ban quản lý dự án hầm lò; quỹ tiền lương, mức lương của viên chức quản lý và các chức danh lãnh đạo tổ chức Đảng, Công đoàn Công ty năm 2014.</li> </ol>
04	08/3/2014	✓ Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 08/3/2014 về việc: Bổ nhiệm lại cán bộ.
05	15/3/2014	✓ Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 15/3/2014 về việc: Cử ông Nguyễn Phúc Hưng – PGĐ Công ty tham dự Hội nghị tri ân khách hàng tại Philippines.
06	20/3/2014	✓ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 20/3/2014 về việc: Chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2013.
07	24/3/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 24/3/2014 về việc: Quyết toán quỹ tiền lương của Công ty năm 2013;</li> <li>Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 24/3/2014 về kế hoạch chi quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014.</li> </ol>
08	28/03/2014	✓ Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 28/3/2014 về việc: Bổ nhiệm lại cán bộ.
09	02/4/2014	✓ Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 02/4/2014 về việc: Phê duyệt kế hoạch ĐT-XD năm 2014.

Phiên họp	Ngày họp	Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thông qua
10	08/4/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 08/4/2014 về việc: Cán bộ đi khám chữa bệnh kết hợp với việc thăm quan du lịch tại Đà Loan - Trung Quốc;</li> <li>Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 08/4/2014 về việc: Bổ nhiệm lại cán bộ.</li> </ol>
11	16/4/2014	✓ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 16/4/2014 về việc: Cử cán bộ đi dự Hội nghị tri ân khách hàng tại Malaysia – Singapore.
12	25/4/2014	✓ Nghị quyết số 19/NQ-HĐQT ngày 25/4/2014 về việc: Điều chỉnh Quy hoạch cán bộ năm 2013 - 2015.
13	14/5/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 14/5/2014 về việc: Bổ nhiệm ông Lê Văn Giang chức vụ PGĐ Công ty;</li> <li>Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 14/5/2014 về việc: Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản;</li> <li>Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 14/5/2014 về việc: Bổ nhiệm ông Nguyễn Thái Dương giữ chức vụ Phó Chánh Văn phòng Giám đốc;</li> <li>Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 14/5/2014 về việc: Bổ nhiệm lại cán bộ.</li> </ol>
14	19/5/2014	✓ Nghị quyết số 24/NQ-HĐQT ngày 19/5/2014 về việc: Cử Giám đốc Công ty đi công tác nước ngoài.
15	20/5/2014	✓ Nghị quyết số 25/NQ-HĐQT ngày 20/5/2014 về việc: Thôi chức danh Trợ lý Giám đốc đối với ông Phạm Tiến Đàm.
16	21/5/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 21/5/2014 về việc: Phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tạm phê duyệt Tổng dự toán Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo;</li> <li>Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 21/5/2014 về việc: Cử ông Phạm Tiến Đàm đi công tác tại Tây Ban Nha.</li> </ol>
17	08/6/2014	✓ Nghị quyết số 28/NQ-HĐQT ngày 08/6/2014 về việc: Cử cán bộ đi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ thuật an toàn năm 2014.
18	17/6/2014	✓ Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 17/6/2014 về việc: Thành lập đoàn cán bộ công nhân đi thăm quan, du lịch nước ngoài.
19	27/6/2014	1. Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 27/6/2014 về việc: Sáp nhập Phòng KTV vào VPGĐ Công ty;

Phiên họp	Ngày họp	Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thông qua
		<ul style="list-style-type: none"> <li>2. Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 27/6/2014 về việc: Thưởng các viên chức quản lý Công ty;</li> <li>3. Nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 27/6/2014 về việc: Ban hành Quy chế Quản lý nợ;</li> <li>4. Nghị quyết số 33/NQ-HĐQT ngày 27/6/2014 về việc: Thành lập phòng NVTH Ban quản lý dự án hầm lò và giao nhiệm vụ cán bộ;</li> <li>5. Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT ngày 27/6/2014 về việc: Vay vốn phục vụ dự án khai thác than hầm lò.</li> </ul>
20	14/7/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 35/NQ-HĐQT ngày 14/7/2014 về việc: Phê duyệt TKBVTC-DT các hạng mục của gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt hệ thống thiết bị trực tải và tháp giăng của giếng đứng chính vận tải than, giếng đứng phụ vận tải vật liệu Dự án đầu tư XDCT khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.</li> </ul>
21	29/7/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 29/7/2014 về việc: Ban hành Quy chế Thi đua - Khen thưởng trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin;</li> <li>2. Nghị quyết số 37/NQ-HĐQT ngày 29/7/2014 về việc: Bổ nhiệm cán bộ trong Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin;</li> <li>3. Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 29/7/2014 về việc: Bổ nhiệm cán bộ phòng KTTH; NVTH ban QLDA hầm lò Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin;</li> </ul>
22	02/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT ngày 02/8/2014 về việc: Cử cán bộ đi công tác nước ngoài (Malaysia);</li> </ul>
23	16/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 40/NQ-HĐQT ngày 16/8/2014 về việc: Điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt hệ thống thiết bị trực tải và tháp giăng của giếng đứng chính vận tải than, giếng đứng phụ vận tải vật liệu Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.</li> </ul>
24	18/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 41/NQ-HĐQT ngày 18/8/2014 về việc: Giám sát quản lý điều hành SXKD.</li> </ul>
25	20/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 42/NQ-HĐQT ngày 20/8/2014 về việc: Cử cán bộ đi tu nghiệp tại Nhật Bản.</li> </ul>
26	21/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 43/NQ-HĐQT ngày 21/8/2014 về việc: Thay đổi nhân sự giữa nhiệm kỳ HĐQT Công ty.</li> </ul>
27	25/8/2014	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Nghị quyết số 44/NQ-HĐQT ngày 25/8/2014 về việc:</li> </ul>



Phiên họp	Ngày họp	Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thông qua
		Cử cán bộ đi thăm quan, khảo sát tại Nhật Bản.
28	29/8/2014	✓ Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 29/8/2014 về việc: Cử cán bộ đi thăm dự hội thảo tại Dubai.
29	22/9/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 46/NQ-HĐQT ngày 22/9/2014 về việc: Giám sát, quản lý điều hành Công ty.</li> <li>Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 22/9/2014 về việc: Bổ nhiệm lại cán bộ (Ông Đặng Văn Ngong giữ chức vụ Quản đốc CT CGLĐ; Ông Vương Văn Kỳ giữ chức vụ Phó Quản đốc CT CGLĐ; Ông Nguyễn Thái Phương giữ chức vụ Phó Quản đốc CT Via 14).</li> <li>Nghị quyết số 48/NQ-HĐQT ngày 22/9/2014 về việc: Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty, gồm: <sup>(1)</sup> Quy chế Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; <sup>(2)</sup> Quy chế sử dụng quỹ Khen thưởng, Phúc lợi; <sup>(3)</sup> Quy chế quản lý và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.</li> <li>Thông báo số 3349/TB-VNBC ngày 22/9/2014 về việc đánh giá nhận xét cán bộ trong thời gian giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty.</li> <li>Quyết định số 3351/QĐ-VNBC ngày 22/9/2014 về việc phân công nhiệm vụ trong HĐQT Công ty</li> <li>Quyết định số 3352/QĐ-VNBC ngày 22/9/2014 về việc: Phê duyệt hình thức, kế hoạch tổ chức và dự toán kinh phí thi tuyển kiến trúc xây dựng công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc và Nhà ở chung cư của Công ty CP Than Núi Béo – Vinacomin.</li> </ol>
30	30/9/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 49/NQ-HĐQT ngày 30/9/2014 về việc: Giải quyết chế độ hưu, hưởng chế độ BHXH cho ông Nguyễn Phúc Hưng – PGĐ Công ty.</li> <li>Nghị quyết số 50/NQ-HĐQT ngày 01/10/2014 về việc: Bổ nhiệm lại chức vụ cán bộ.</li> <li>Quyết định số 3258/QĐ-VNBC ngày 01/10/2014 về việc: Bổ nhiệm lại ông Vũ Anh Tuấn giữ chức vụ Giám đốc điều hành Công ty.</li> </ol>
31	16/10/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>Nghị quyết số 51/NQ-HĐQT ngày 16/10/2014 về việc: Giới thiệu tín nhiệm cán bộ để bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc kinh tế;</li> <li>Quyết định số 3805/QĐ-VNBC ngày 20/10/2014 về việc Phê duyệt định mức dự toán, đơn giá xây dựng công trình đào chống lò giếng đứng Dự án Đầu tư xây</li> </ol>

Phiên họp	Ngày họp	Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thông qua
		dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
32	27/02/2014	✓ Quyết định số 3810/QĐ-VNBC ngày 20/10/2014 về việc: Thành lập Tổ thẩm định Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 16 thuộc Dự án đầu tư XDCT khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo trực thuộc HĐQT Công ty kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2014
33	28/10/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>1 Quyết định số 3889/QĐ-VNBC ngày 29/10/2014 về việc: Bổ nhiệm bà Dương Thị Thu Phong giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty.</li> <li>2 Quyết định số 3941/QĐ-VNBC ngày 31/10/2014 về việc: Phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 16: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt hệ thống thiết bị trục tải và tháp giăng của giếng đứng chính vận tải than, giếng đứng phụ vận tải vật liệu thuộc Dự án đầu tư XDCT khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.</li> </ol>
34	11/11/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 11/11/2014 về việc: Giám sát, quản lý điều hành Công ty.</li> <li>2. Thông báo số 4103/TB-VNBC ngày 14/11/2014 về kết quả đánh giá nhận xét cán bộ hết nhiệm kỳ đối với ông Mai Quảng Thái – Phó Giám đốc Công ty.</li> </ol>
35	01/12/2014	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các quyết định số 4329/QĐ-VNBC ngày 01 tháng 12 năm 2014 về việc: Bổ nhiệm lại ông Mai Quảng Thái giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty;</li> <li>2. Nghị quyết số 53/NQ-HĐQT ngày 01/12/2014 Công ty về việc: Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ quản lý điều hành Công ty.</li> </ol>
36	19/12/2014	✓ Nghị quyết số 54/NQ-HĐQT ngày 19/12/2014 về việc: <sup>(1)</sup> Thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015; <sup>(2)</sup> Phê duyệt Quy chế Khoán và Quản trị chi phí; Phê duyệt Quy chế Quản lý cán bộ; <sup>(3)</sup> Điều chỉnh, bổ sung định mức tiêu hao nhiên liệu năm 2014; <sup>(4)</sup> Phê duyệt kết quả thi kiến trúc xây dựng công trình: Trung tâm thương mại, văn phòng làm việc và Nhà ở chung cư của Công ty; <sup>(5)</sup> Phê duyệt mô hình tổ chức các phòng ban của Công ty năm 2015; <sup>(6)</sup> Phê duyệt phương án tổ chức sản xuất nhận thầu thi công các công đoạn khai thác mỏ tại Công ty Cổ phần Than Hà Tu; <sup>(7)</sup> Thông qua chủ

Phiên họp	Ngày họp	Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thông qua
37	29/12/2014	✓ Nghị quyết số 55/NQ-HĐQT ngày 29/12/2014 về việc: Gia hạn thời hạn đóng thầu gói thầu số 16 thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình Khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo.
38	31/12/2014	✓ Nghị quyết số 56/NQ-HĐQT ngày 31/12/2014 về việc: Chuyển quỹ dự phòng tài chính về quỹ đầu tư phát triển

## 2. Ban kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Số buổi họp tham dự 2014
1	Ông Phạm Xuân Vinh	Trưởng ban		8
2	Ông Nguyễn Tiến Nhung	Ủy viên	4.587	8
3	Bà Dương Thị Thu Phong	Ủy viên		6

b) Thay đổi nhân sự ban kiểm soát: Bà Dương Thị Thu Phong có đơn xin thôi không giữ cương vị Thành viên Ban kiểm soát Công ty kể từ ngày 01/11/2014.

### c) Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm:

Năm 2014, Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty: Tổ chức họp thường niên mỗi quý 1 lần, giải quyết các vấn đề liên quan đến thẩm quyền của Ban kiểm soát. Các kỳ họp HĐQT đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

### 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các lợi ích

a) Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: Dự kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2014 là: **180.103.800đ (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu, một trăm linh ba ngàn, tám trăm đồng)** và mức thù lao từng chức danh HĐQT, BKS năm 2015 như sau:

TT	Chức danh	Hệ số lương bậc 2/2 chuyên trách	Mức phụ cấp trách nhiệm hàng tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	7,30	27.000.000 x 20% = 5.400.000
2	Ủy viên HĐQT	6,31	23.000.000 x 20% = 4.600.000
3	Trưởng BKS	6,31	23.000.000 x 20% = 4.600.000
4	Ủy viên BKS	5,98	21.000.000 x 20% = 4.200.000

**3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Không có

**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

**3.4. Thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Trong năm 2014 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.


## V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.

**1. Ý kiến của kiểm toán** (Trích ý kiến kiểm toán viên theo Công văn số 373/2015/BC.KTTC-AASC.QN ngày 18/3/2015 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC):


“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề nhấn mạnh:** Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế theo công văn số 426/TKV-KS ngày 27/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:** Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là : ([www.nuibeo.com.vn](http://www.nuibeo.com.vn)).

Xin trân trọng cảm ơn./ 

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (b/c);
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (b/c);
- Văn phòng (đăng Website Công ty);
- HĐQT, BKS (ecopy);
- Lưu: Văn thư, HĐQT (3), BKS. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**ỦY VIÊN HĐQT**



  
**GIÁM ĐỐC**  
**Vũ Anh Tuấn**